

**TÒA ÁN N DÂN
HUYỆN H
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 11/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 23- 02 - 2023
V/v: “*Không công nhận vợ chồng,
xác định con cho cha, tranh chấp
nuôi con chung*”

**N DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN N DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Quốc Thành

Các Hội thẩm N dân: 1. Bà Phạm Thị Thanh Hương

2. Ông Phạm Quốc Vượng

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Đình Thuyên – Thư ký Tòa án N dân huyện H.

- Đại diện Viện kiểm sát N dân huyện H tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án N dân huyện H, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hôn N và gia đình thụ lý số: thụ lý số 204/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2022 về việc “*Không công nhận vợ chồng, xác định con cho cha và tranh chấp nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 11/2022/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 12 năm 2022; Thông báo về việc thay đổi lịch phiên tòa số: 11/TB-HNGĐ ngày 19/12/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2023/QĐST- HNGĐ ngày 10/01/2023 của Tòa án N dân huyện H, tỉnh Bình Phước, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Xuân N, sinh năm 1992, có mặt

Địa chỉ: Tổ 2, ấp 2, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương

- Bị đơn: Bà Trần Ngọc Q, sinh năm 1991, có mặt

Địa chỉ: Tổ 1, ấp 2, xã A, huyện H, tỉnh Bình Phước

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Phan Trọng H, sinh năm 1978 và Luật sư Lê Trọng K, sinh năm 1986 Văn phòng luật sư Bình Tân - thuộc đoàn luật sư Thành Phố Hồ Chí Minh, có mặt

Địa chỉ: 840/31/1 Hương Lộ 2, phường B, quận B, Thành Phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Trần Xuân N trình bày: Ông Trần Xuân N với bà Trần Ngọc Q tìm hiểu, yêu thương nhau và tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống vào ngày 16/12/2018, nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu đời sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc, nhưng sau đó vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên N là do quan niệm sống không phù hợp, mặc dù hai bên đã cố gắng hàn gắn nhưng vẫn không thành. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn N không đạt được. Về con chung: Quá trình chung sống ông N với bà Q có một con chung tên Trần Xuân K, sinh ngày 18/5/2019, giới tính nam, tuy trong giấy khai sinh không ghi tên cha nhưng căn cứ kết quả giám định AND ngày 12/02/2022 của Viện công nghệ AND và phân tích di truyền xác định cháu Trần Xuân K với ông Trần Xuân N có cùng huyết thống, bà Q và ông N đều thừa nhận cháu Khôi là con chung. Vì vậy ông Trần Xuân N yêu cầu Tòa án giải quyết: Không công nhận ông N và bà Trần Ngọc Q là vợ chồng. Yêu cầu Tòa án công nhận kết quả giám định AND số 22131.GL/AND ngày 02/12/2022 của Viện công nghệ AND và phân tích di truyền và công nhận cháu Trần Xuân K là con đẻ của ông Trần Xuân N, đồng thời yêu cầu Tòa án giải quyết giao con chung Trần Xuân K cho ông Trần Xuân N và không yêu cầu bà Trần Ngọc Q cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: Trong quá trình sống chung giữa ông N và bà Q không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: ông N và bà Q không có nợ ai và không có ai nợ lại nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Trần Ngọc Q trình bày: Bà Trần Ngọc Q và ông Trần Xuân N tìm hiểu nhau và đi đến chức lễ cưới theo phong tục truyền thống vào ngày 16/12/2018, nhưng không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu tại Tổ 2, ấp 2, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương cho đến tháng 11 năm 2021 thì vợ chồng mới phát sinh mâu thuẫn, nguyên N mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, vợ chồng đã nhiều lần cố gắng dung hòa nhưng không thành nên bà Q đã đưa con chung Trần Xuân K về nhà cha mẹ đẻ của mình cư trú tại địa chỉ: Tổ 1, ấp 2, xã A, tỉnh Bình Phước để sinh sống và ly thân với ông N từ đó cho đến nay. Từ khi bà Q về nhà cha mẹ sinh sống ông Trần Xuân N không liên lạc, hỏi thăm, chăm sóc con và không cấp dưỡng tiền để nuôi dưỡng cháu Khôi. Bà Q đồng ý việc không công nhận ông N với bà Q là vợ chồng, vì bà Q với ông N có tổ chức đám cưới nhưng chưa đăng ký kết hôn. Về con chung: Quá trình chung sống bà Q với ông N có một con chung tên Trần Xuân K, sinh ngày 18/5/2019, giới tính nam, tuy trong giấy khai sinh không ghi tên cha là Trần Xuân N nhưng theo kết quả giám định AND ngày 12/02/2022 của Viện công nghệ AND và phân tích di truyền xác định cháu Trần Xuân K với ông Trần Xuân N có cùng huyết thống. Bà Q thừa nhận bé Khôi là con chung giữa bà Q với ông N. Việc ông N yêu cầu Tòa án giải quyết được quyền nuôi con chung cháu Trần Xuân K, sinh ngày 18/5/2019 bà Q không đồng ý với lý do hiện nay cháu Trần Xuân K còn nhỏ nên cần sự chăm sóc của người

mẹ, hơn nữa từ trước tới nay bà Q là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Khôi. Bà Q cho rằng ông N không có thu nhập ổn định nên không đủ điều kiện nuôi con chung. Bà Q hiện nay đang là quản lý Công ty TNHH Shaya Ta, có thu nhập ổn định khoảng từ 15.000.000 đồng đến 17.000.000 đồng/tháng, ngoài ra bà Q còn bán hàng trực tuyến thu nhập thêm 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng, tổng thu nhập bình quân mỗi tháng của bà Q là 20.000.000 đồng nên bà Q đủ điều kiện để nuôi cháu Trần Xuân K. Vì vậy bà Q yêu cầu Tòa án giải quyết tiếp tục giao con chung cháu Trần Xuân K cho bà Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục như hiện nay. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Q yêu cầu ông Trần Xuân N cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 4.000.000 đồng cho đến bé Khôi trưởng thành. Về tài sản chung: Giữa bà Q với ông N không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Bà Q với ông N không có nợ ai và không có ai nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại phiên tòa:* Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử tuyên không công nhận ông Trần Xuân N và bà Trần Ngọc Q là vợ chồng. Yêu cầu Tòa án công nhận kết quả giám định AND số 22131.GL/AND ngày 02/12/2022 của Viện công nghệ AND và phân tích di truyền xác định cháu Trần Xuân K với ông Trần Xuân N có cùng huyết thống, công nhận cháu Trần Xuân K là con đẻ của ông Trần Xuân N, đồng thời yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Q giao cháu Trần Xuân K cho ông N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, ông N không yêu cầu bà Trần Ngọc Q cấp dưỡng nuôi con chung.

Người bảo vệ quyền và lợi ích pháp cho nguyên đơn ông Trần Xuân N, Luật sư Phan Trọng H và Luật sư Lê Trọng K thống nhất đưa ra ý kiến bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn như sau: Phía nguyên đơn ông Trần Xuân N có đủ điều kiện nuôi con cháu Trần Xuân K. Thứ nhất: Về điều kiện vật chất: Ông Trần Xuân N là người có công việc làm, có thu nhập và chỗ ở ổn định, có tài khoản tiết kiệm tại ngân hàng, môi trường sống hiện tại của ông N gần trường học, gần bệnh viện... Thứ hai: Về điều kiện tinh thần: Ông Trần Xuân N là người có trình độ học thức, có văn hóa, là người cha hết mực yêu thương con, thể hiện qua việc ông N luôn sắp xếp dành thời gian trực tiếp chăm sóc con. Từ khi cháu Khôi được sinh ra ông N luôn tận tình chu đáo, trực tiếp chăm sóc cháu Khôi và là tấm gương sáng để giáo dục cho con phát triển N cách hiện tại cũng như tương lai của con trẻ. Phía nguyên đơn bà Trần Ngọc Q hiện nay đang gặp khó khăn về kinh tế điều đó thể hiện qua hành vi bà Q cần tiền trả nợ nên đã yêu cầu ông N phải giao cho bà Q 200.000.000 đồng để làm ăn và trả nợ mới đồng ý giao con chung cháu Trần Xuân K cho ông N nuôi dưỡng, hơn nữa hiện nay bà Q chưa có nơi ở ổn định, chưa dành thời gian ưu tiên việc chăm sóc giáo dục con do bà Q phải thường xuyên làm xa nhà, thuê nhà trọ để là việc tăng ca vào ban đêm nên phải giao cháu Trần Xuân K cho cha mẹ mình là ông Tót, bà Sương trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng trong môi trường sống thiếu thốn về cơ

sở vật chất, tinh thần, do người chăm sóc cháu khôi là ông Tốt, bà Sương hiện nay đang là người cao tuổi. Trong đời sống sinh hoạt hằng ngày bà Q có những hành vi, lời nói thiếu văn hóa, thể hiện bằng việc bà Quyền thường chửi bới, cản trở gây khó khăn khi ông N và gia đình ông N đến thăm cháu Khôi làm ảnh hưởng đến tinh thần, cũng như sự phát triển N cách bình thường của cháu Khôi hiện tại cũng như tương lai. Từ những quan điểm lập luận trên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ kết quả giám định AND số 22131.GL/AND ngày 02/12/2022 của Viện công nghệ AND và phân tích di truyền xác định xác định cháu Trần Xuân K cho ông Trần Xuân N có cùng huyết thống để công nhận cháu Trần Xuân K là con đẻ của ông Trần Xuân N, đồng thời yêu cầu Tòa án N dân huyện H, tỉnh Bình Phước xem xét buộc bà Q giao cháu Trần Xuân K cho ông Trần Xuân N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, phía nguyên đơn ông Trần Xuân N không yêu cầu bị đơn bà Trần Ngọc Q cấp dưỡng nuôi con chung.

Bị đơn bà Trần Ngọc Q phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc nguyên đơn yêu cầu Tòa án giao con chung Trần Xuân K cho ông Trần Xuân N trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bị đơn bà Trần Ngọc Q cho rằng hiện này cháu Khôi đang ở với bà Q, được bà quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục tốt. Hiện tại bà Q đủ điều kiện nuôi cháu Khôi nên không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung. Bị đơn bà Trần Ngọc Q vẫn giữ nguyên quan điểm không đồng ý theo giao con chung cháu Trần Xuân K cho ông nguyên đơn ông Trần Xuân N trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Đại diện Viện kiểm sát N dân huyện H tại phiên tòa phát biểu:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, Thẩm phán, Hội thẩm N dân, thư ký phiên tòa đã thưa hiện đầy đủ, đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Xuân N:

Về quan hệ hôn N: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận ông Trần Xuân N và bà Trần Ngọc Q là vợ chồng

Về xác định con cho cha: Đề nghị Hội đồng xét xử xác định cháu Trần Xuân K là con đẻ của ông Trần Xuân N

Về tranh chấp nuôi con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung tên Trần Xuân K, sinh ngày 18/5/2019 cho ông Trần Xuân N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Ông Trần Xuân N khởi kiện yêu cầu “*Không công nhận vợ chồng, xác định con cho cha và tranh chấp nuôi con chung*” với bà Trần Ngọc Q, sinh năm 1991, cư trú tại: Tổ 1, ấp 2, xã A, huyện H, tỉnh Bình Phước. Tòa án xác định đây là vụ án hôn N và gia đình về tranh chấp không công nhận vợ chồng, xác định con cho cha và tranh chấp nuôi con chung thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án N dân huyện H theo quy định tại khoản 1, khoản 4, Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thông báo thay đổi lịch xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho đương sự.

[3] *Về nội dung vụ án:* Ông Trần Xuân N và bà Trần Ngọc Q tìm hiểu nhau và đi đến chức lễ cưới theo phong tục truyền thống vào ngày 16/12/2018, nhưng không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc khi về cư trú tại Tổ 2, ấp 2, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương, đến tháng 11 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên N mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, hai bên đã nhiều lần hàn gắn hạnh phúc nhưng không thành. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ông N và bà Q đều xác nhận vợ chồng chung sống nhưng không đăng ký kết hôn nguyên N do ông N và bà Q bất đồng quan điểm sống, vợ chồng đã không chung sống với nhau từ tháng 11 năm 2021 đến nay, tình cảm giữa ông N và bà Q trầm trọng không thể chung sống hạnh phúc được nên ông N và bà Q yêu cầu Tòa án không công nhận vợ chồng.

- Hội đồng xét xử xét thấy: Ông Trần Xuân N và bà Trần Ngọc Q sống chung với nhau từ năm 2018 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật đã vi phạm Điều 9 Luật Hôn N và gia đình năm 2014 nên giữa ông N và bà Q không phát sinh quyền và nghĩa giữa vợ và chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 N gia Luật hôn N và gia đình năm 2014, đồng thời căn cứ vào khoản 2 Điều 53 Luật hôn N và gia đình năm 2014 cần tuyên không công nhận ông Trần Xuân N và bà Trần Ngọc Q là vợ chồng.

[3] *Về con chung:* Quá trình chung sống ông N, bà Q có một con chung tên Trần Xuân K, sinh ngày 18/5/2019, giới tính nam, tuy trong giấy khai sinh không ghi tên cha ông Trần Xuân N. Tại kết quả giám định AND ngày 12/02/2022 của Viện công nghệ AND và phân tích di truyền xác định cháu Trần Xuân K với ông Trần Xuân N có cùng huyết thống. Tại biên bản bản xác minh tại nơi cư trú của nguyên đơn, cũng như bị đơn ông Nguyễn Văn Sơn trưởng ấp 2, xã A, huyện H, tỉnh Bình Phước và ông Nguyễn Khánh Toàn trưởng ấp 2, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương đều xác nhận ông Trần Xuân N và bà Trần Ngọc Q ông N và bà Q tìm hiểu và tổ chức đám cưới, sống với nhau từ năm 2018 tại nhà ông Trần Xuân N, địa chỉ: ấp 2, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương và có 01 con chung là cháu Trần Xuân K, sinh ngày 18/5/2019. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn cũng thừa nhận bé Khôi là con chung. Từ

những phân tích trên đủ cơ sở xác định cháu Trần Xuân Klà con đẻ của ông Trần Xuân N. Căn cứ các Điều 89, Điều 101, Điều 102 Luật hôn N và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử xác định cháu Trần Xuân Klà con đẻ của ông Trần Xuân N.

[4] Về tranh chấp nuôi con chung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, lời khai của nguyên đơn, bị đơn xác định sau khi tổ chức đám cưới ông Trần Xuân N và bà Trần Ngọc Q cùng chung sống với nhau tại nhà cha mẹ ông Trần Xuân N tại địa chỉ: ấp 2, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương và đến ngày 18/5/2019 thì sinh con chung cháu Trần Xuân K, từ khi sinh ra cho đến khi vợ chồng mâu thuẫn tháng 11 năm 2021 cháu Trần Xuân Kchung sống với ông N và cha mẹ ông N là ông Trần Xuân Đvà và Trần Thị Ttại địa chỉ trên. Tháng 11 năm 2021 cho đến nay tháng 11 năm 2021 bà Q đã đưa cháu Trần Xuân K về sinh sống và cư trú cùng với cha mẹ là Trần Văn Tvà bà Nguyễn Thị Stại địa chỉ: Tổ 1, ấp 2, xã A, tỉnh Bình Phước để nuôi dưỡng.

- Xét điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung con hiện nay của nguyên đơn ông Trần Xuân N:

Về điều kiện vật chất: Ông Trần Xuân N có nơi cư ỏn định được cha mẹ tặng cho thửa đất số 398, tờ bản đồ số 10, diện tích đất 182,4m², tại ấp 2, xã Trừ Văn Thố, huyện H, tỉnh Bình Phước. Ông Trần Xuân N là nhân viên thủ kho tại công ty trách nhiệm hữu hạn GSP công việc thu nhập ỏn định lương mỗi tháng 16.000.000 đồng được công ty trách nhiệm hữu hạn GSP xác nhận. Ngoài ra ông N còn có tài khoản tiền gửi tại chi nhánh Ngân hàng ngoại thương Việt Nam (Sacombank) chi nhánh Bắc Bình Dương – Phòng giao dịch Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

Về điều kiện tinh thần: Qua xác minh thực tế tại nơi cư trú của ông N, bà Q, lời khai của đương sự đều xác định cháu Trần Xuân Ktừ khi sinh ra đã được ông bà Nội là ông Trần Xuân Đvà Trần Thị Ttrực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng tại tổ 2, ấp 2, xã Trừ Văn Thố, huyện H, tỉnh Bình Phước cho đến khi vợ chồng ông N, bà Q mẫu Thuần và bà Q đã đưa cháu về nhà cha mẹ của mình là ông Trần Văn Tvà bà Nguyễn Thị Schăm sóc nuôi dưỡng. Ông N là con trai trong gia đình, luôn quan tâm yêu thương, chăm sóc con điều đó được thể hiện qua việc nhiều lần ông N gặp bà Q để thỏa thuận việc nuôi con nhưng đều bị bà Q từ chối, gây khó khăn và cản trở. Ông N là người có văn hóa, có trình độ học vấn, cha mẹ ông N chỉ có một mình cháu Khôi là cháu nội nên sẽ mang lại cho cháu Khôi những điều kiện cần thiết cho cháu được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Khôi.

Về điều kiện môi trường văn hóa và giáo dục: Căn cứ tài liệu chứng cứ và lời trình bày của đương sự Hội đồng xét xử xác định nơi sinh sống và nơi làm việc của ông N gần nhau, thời gian làm việc của ông N chỉ trong trong giờ làm việc bình thường 08 giờ/01 ngày không tăng ca làm thêm giờ nên đủ thời gian gần gũi chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Nơi ở hiện tại của ông Trần Xuân N gần các cơ sở giáo dục và chăm sóc sức khỏe như trường học, bệnh viện, nhà

văn hóa, nơi vui chơi trẻ em là điều kiện để cháu Khôi có được trong môi trường sinh hoạt tốt. Ông Trần Xuân N luôn đặt sự phát triển toàn diện của con trẻ lên hàng đầu để cho con có môi trường văn hóa, giáo dục tốt để học tập và phát triển lâu dài

- Xét điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung hiện tại của bị đơn bà Trần Ngọc Q:

Về điều kiện vật chất: Căn cứ tài liệu chứng cứ và lời trình bày của đương sự xét thấy bà Trần Ngọc Q là công N của công ty Công ty TNHH Shaya Ta tại khu công nghiệp Minh Hưng thuộc xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước thu nhập bình quân 15.000.000đồng/tháng. Tuy nhiên từ sau khi không sống chung với ông N, do phải đi làm tại khu công nghiệp tại huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước nên bà Q phải gửi cháu Trần Xuân K cho bà ngoại là Trần Văn Tvà bà Nguyễn Thị Stại tổ 1, ấp 2, xã A, huyện H, tỉnh Bình Phước chăm sóc nuôi dưỡng. Do tính chất công việc nơi làm việc và nơi ở xa nhau, bà Q thường xuyên làm việc tăng ca thêm giờ, phải thuê nhà trọ gần nơi làm việc nên phải giao cháu Trần Xuân K cho ông bà ngoại là cha, mẹ bà Q ông Trần Văn Tvà bà Nguyễn Thị S chăm sóc cháu, nuôi dưỡng, giáo dục cháu. Qua xác minh tại ấp 2, xã A, huyện H, tỉnh Bình Phước trưởng ấp là ông Nguyễn Văn Sơn cũng xác nhận hiện nay cháu Trần Xuân K đang ở tại ông Trần Văn Tvà bà Nguyễn Thị Svà được ông Tốt, bà Sương chăm sóc nuôi dưỡng là đúng thực tế. Từ những phân tích trên xác định bà Q là không trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Khôi mà giao con cho cha mẹ mình là ông Tốt, bà Sương nuôi dưỡng là có cơ sở. Qua nhưng phân tích trên cho thấy hiện nay bà Trần Ngọc Q chưa có nơi ở ổn định, nơi làm và nơi ở xa nhau, không dành đủ thời gian chăm sóc nuôi dưỡng con.

Về điều kiện tinh thần: Trong thời gian mâu thuẫn, sống ly thân nhau bà Q đã có hành vi nhấn tin đưa ra điều kiện vật chất nếu ông N muốn được nuôi cháu Khôi thì phải giao cho bà Q 200.000.000 đồng để bà Q trả nợ và ổn định cuộc sống, khi ông N đến thăm con là cháu Khôi thì và bà Q đã có hành vi gây khó khăn, có những lời lẽ không chuẩn mực, thiếu văn hóa nhằm cản trở việc ông Trần Xuân N đến thăm nom con chung, hành vi trên của bà Q đã làm ảnh hưởng đến tình cảm giữa con với cha, giữa ông bà nội với cháu, ảnh hưởng xấu đến sự phát triển tâm lý bình thường của trẻ. Tại phiên tòa bà Q cũng thừa nhận đã có những hành vi, cử chỉ, lời nói như trên. Hành vi cản trở việc thăm nom con của bà Q là vi phạm nguyên tắc đạo đức, vi phạm chuẩn mực văn hóa truyền thống của người Việt Nam.

Về điều kiện môi trường văn hóa và giáo dục: Qua xác minh thực tế, lời trình bày của đương sự thể hiện môi trường sống hiện của cháu Khôi còn thiếu thốn về cơ sở vật chất, việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Khôi chưa được chăm sóc chu đáo do cha, mẹ bà Q là ông Tốt, bà Sương đã lớn tuổi. Bà Q chưa mang lại điều kiện tốt nhất trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Khôi

Từ những phân tích trên xét thấy để có môi trường tốt cho sự phát triển của trẻ, cần có các điều kiện về vật chất lẫn tinh thần đáp ứng cho yêu cầu cho sự phát triển bình thường của cháu Khôi hiện tại cũng như tương lai. Trên cơ sở xem xét quan điểm trình bày của đại diện Viện Kiểm sát N dân huyện H, tỉnh Bình Phước là phù hợp với Hội đồng xét xử. Do vậy để bảo đảm quyền lợi mọi mặt cũng như ổn định về mặt tâm lý của con chưa thành niên hiện nay cũng như tương lai cho cháu. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn N và Gia đình năm 2014: *“Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con”*. Xét thấy cần giao con chung cháu Trần Xuân K cho nguyên đơn ông Trần Xuân N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp, có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn ông Trần Xuân N phải chịu án phí theo quy định.

[7] *Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:* Tại phiên tòa ý kiến của đại diện Viện kiểm sát N dân huyện H có căn cứ pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[8] Quan điểm của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích cho nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 244; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 53, khoản 2 Điều 81, 82, 83, 88, 89 Luật Hôn N và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Xuân N.

1. Về quan hệ hôn N: Tuyên bố không công nhận ông Trần Xuân N và bà Trần Ngọc Q là vợ chồng.

2. Công nhận kết quả giám định AND số 22131.GL/AND ngày 02/12/2022 của Viện công nghệ AND và phân tích di truyền xác định cháu Trần Xuân K với ông Trần Xuân N có cùng huyết thống. Xác định cháu Trần Xuân K, sinh ngày 18/5/2019 là con đẻ của ông Trần Xuân N

3. Giao cháu Trần Xuân K, sinh ngày 18/5/2019 cho ông Trần Xuân N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành tự lao động được. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, khi người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con; Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi.

4. Về cấp dưỡng nuôi con: Do đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

6. Về án phí: Ông Trần Xuân N phải chịu 300.000đ án phí hôn N và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0013973 ngày 18/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước.

7. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

- Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu HS;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Dương Quốc Thành

